

BÁO CÁO VỀ THAY ĐỔI GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG
REPORT ON CHANGE OF NET ASSET VALUE

Kính gửi : - Ủy Ban Chứng khoán Nhà Nước
- Sở Giao Dịch Chứng Khoán TP Hồ Chí Minh
To: - State Securities Commission of Vietnam
- Ho Chi Minh City Stock Exchange

- | | |
|---|---|
| 1. Tên Công ty quản lý quỹ:
Fund Management Company: | Công ty cổ phần Quản lý Quỹ VinaCapital
VinaCapital Fund Management Joint Stock Company |
| 2. Tên Ngân hàng giám sát:
Supervising bank: | Ngân Hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Nam Kỳ Khởi Nghĩa
Bank for Investment and Development of Vietnam JSC - Nam Ky Khoi Nghia Branch |
| 3. Tên Quỹ:
Fund name: | Quỹ ETF VinaCapital VN100
VinaCapital VN100 ETF |
| 4. Mã chứng khoán:
Securities code: | FUEVN100 |
| 5. Kỳ báo cáo:
Reporting Period: | Từ 17/04/2026 đến 23/04/2026
From 17-Apr-2026 to 23-Apr-2026 |
| 6. Ngày lập báo cáo:
Reporting Date: | 24/04/2026
24-Apr-2026 |

Đơn vị tính: VND
Unit: VND

Báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng tuần/Weekly report on change of net asset value

STT NO	CHỈ TIÊU CRITERIA	KỲ BÁO CÁO NÀY THIS PERIOD		KỲ BÁO CÁO TRƯỚC LAST PERIOD
		23/04/2026		16/04/2026
I	Giá trị tài sản ròng (NAV) Net Asset Value			
1	Giá trị tài sản ròng đầu kỳ Net Asset Value at the beginning of period			
1.1	của quỹ/ per Fund		706,332,400,046	679,404,670,245
1.2	của một lô chứng chỉ quỹ/ per lot of Fund certificate		2,587,298,169	2,497,811,288
1.3	của một chứng chỉ quỹ/ per Fund certificate		25,872.98	24,978.11
2	Giá trị tài sản ròng cuối kỳ Net Asset Value at the end of period			
2.1	của quỹ/ per Fund		706,049,658,054	706,332,400,046
2.2	của một lô chứng chỉ quỹ/ per lot of Fund certificate		2,634,513,649	2,587,298,169
2.3	của một chứng chỉ quỹ/ per Fund certificate		26,345.13	25,872.98
3	Thay đổi giá trị tài sản ròng trong kỳ, trong đó: Change of NAV during period, in which:			
3.1	Thay đổi do biến động thị trường và các hoạt động giao dịch của quỹ trong kỳ Change of NAV due to market fluctuation and the fund's investment during the period		12,596,848,064	24,406,392,284
3.2	Thay đổi giá trị tài sản ròng liên quan tới nhà đầu tư trong kỳ Change of NAV related to investors during the period		(12,879,590,056)	2,521,337,517
3.2.1	Thay đổi do việc phân phối thu nhập của quỹ cho các nhà đầu tư trong kỳ Change of NAV due to profit distribution to investors during the period		-	-
3.2.2	Thay đổi do mua lại, phát hành thêm chứng chỉ quỹ Change of NAV due to subscription, redemption during the period		(12,879,590,056)	2,521,337,517
4	Thay đổi giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ trong kỳ so với kỳ trước Change of NAV per Fund certificate during period in comparison with the last period		472.15	894.87
5	Giá trị tài sản ròng cao nhất/thấp nhất trong vòng 52 tuần gần nhất Highest/Lowest NAV within the latest 52 weeks			
5.1	Giá trị cao nhất (VND)/ Highest value (VND)		706,364,696,770	706,364,696,770
5.2	Giá trị thấp nhất (VND)/ Lowest value (VND)		499,867,021,928	473,276,591,219
II	Giá trị thị trường (giá đóng cửa cuối phiên giao dịch trong ngày báo cáo) của một chứng chỉ quỹ Market value of a Fund certificate (closing price of the latest trading session of the reporting date)			
1	Giá trị đầu kỳ Beginning period value		25,800	25,300
2	Giá trị cuối kỳ Ending period value		26,400	25,800
3	Thay đổi giá trị thị trường trong kỳ so với kỳ trước Change of market value during period in comparison with the last period		600	500
4	Chênh lệch giữa giá thị trường của một chứng chỉ quỹ và giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ Difference between market value per Fund certificate and NAV per Fund certificate			
4.1	Chênh lệch tuyệt đối (VND)/ Absolute difference (VND)		54.87	(72.98)
4.2	Chênh lệch tương đối (mức độ chiết khấu (-) /thặng dư (+)) / Relative difference (discount (-) / premium (+))		0.21%	-0.28%
5	Giá trị thị trường cao nhất/thấp nhất trong vòng 52 tuần gần nhất Highest/Lowest market value within latest 52 weeks			
5.1	Giá trị cao nhất (VND)/ Highest value (VND)		28,500	28,500
5.2	Giá trị thấp nhất (VND)/ Lowest value (VND)		17,100	16,970

Đại diện có thẩm quyền của Ngân hàng giám sát
Authorized Representative of Supervisory Bank

CHI NHÁNH
NAM KỲ KHỞI NGHĨA

Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển VN
CN Nam Kỳ Khởi Nghĩa
Nguyễn Thị Minh Châu
Phó Giám đốc Chi nhánh

Đại diện có thẩm quyền của Công Ty Quản Lý Quỹ
Authorized Representative of Fund Management Company

CÔNG TY
CỔ PHẦN
QUẢN LÝ QUỸ
VINACAPITAL

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ VinaCapital
Vương Văn Anh

Giám Đốc Chiến Lược
Theo thư Ủy quyền số 0212/2024/VCFM-POA hiệu lực ngày 02/12/2024 được ký bởi Ông Brook Colin Taylor - Nguyên đại diện theo pháp luật của Công ty cổ phần Quản lý Quỹ VinaCapital.
According to Letter of Attorney No. 0212/2024/VCFM-POA effective from 02 December 2024 signed by Mr. Brook Colin Taylor - The Legal Representative of VinaCapital Fund Management Joint Stock Company